

## 45. Độc lưu thử kinh (獨留此經 - Riêng lưu lại kinh này)

Phẩm này chỉ rõ trong tương lai các kinh diệt hết, Phật vì lòng từ bi “*đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế*” (riêng lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm).

Trong phần Tự, nơi phẩm Đại Giáo Duyên Khởi, đức Thế Tôn đã phóng đại quang minh, ánh sáng, tướng lành đều thù thắng nhiệm mầu, toàn là những điều xưa nay chưa từng được thấy. A Nan thưa hỏi nhân duyên Phật phóng quang, Phật khen ngợi A Nan rằng: “*Đương lai chư thiên nhân dân nhất thiết hàm linh, giai nhân nhữ vấn nhi đắc độ thoát cố*” (Chư thiên, nhân dân, hết thấy hàm linh trong tương lai đều do lời hỏi của ông mà được độ thoát). Đó là vì do lời khai vấn của ngài A Nan, đức Thế Tôn bèn dạy ra kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác thù thắng, hy hữu này, đủ chứng tỏ kinh này do đức Thế Tôn “*vì lòng đại bi vô tận, thương xót tam giới*”, “*muốn cứu vớt quần sanh, ban cho cái lợi chân thật*” nên mới nói pháp bảo rộng lớn, viên mãn, giản dị, phương tiện thẳng tắt, đệ nhất hy hữu khó được gặp gỡ này. Mãi đến đời mai sau khi kinh pháp diệt hết, do lòng từ bi, Phật riêng lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm. Kẻ gặp được kinh này tùy lòng mong mỏi đều được độ thoát. Thật là lòng từ bi của Phật vô tận, ân Phật vô cực!

Điều này càng chứng tỏ diệu pháp thù thắng “phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm” của kinh này thật sự là thuốc A Già Đà để cứu vớt khắp các chúng sanh. Khi pháp diệt tận, chúng sanh nghiệp chướng càng sâu, chỉ còn biết cậy vào pháp này để thoát sanh tử, càng tỏ rõ pháp này là phương tiện rất ráo chăng thể nghĩ bàn.

### **Chánh kinh:**

吾今為諸眾生說此經法，令見無量壽佛，及其國土一切所有。所當為者，皆可求之。無得以我滅度之後，復生疑惑。

*Ngô kim vị chư chúng sanh thuyết thử kinh pháp, linh kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập kỳ quốc độ nhất thiết sở hữu. Sở đương vị giả, giai khả câu chi. Vô đắc dĩ ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc.*

Ta nay vì các chúng sanh nói kinh pháp này hòng khiến họ thấy được Vô Lượng Phật và hết thấy các thứ trong cõi nước Ngài, việc đáng nên làm sẽ đều có thể cầu được. Chẳng nên sau khi ta diệt độ rồi lại sanh nghi hoặc.

**Giải:**

Câu “*linh kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập kỳ quốc độ nhất thiết sở hữu*” (khiến cho họ thấy được Vô Lượng Thọ Phật và hết thấy các thứ trong cõi nước Ngài) hàm ý: Do oai lực của Phật, hết thấy tất cả y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc như đã nói trong phẩm Lễ Phật Hiện Quang đều hiện rõ ràng như đối trước mắt, ai nấy đều thấy. Do duyên thù thắng ấy nên hội chúng đều sanh khởi lòng tin chân thật; lại do oai đức của Phật Di Đà gia trì nên thiện căn của hội chúng thấy đều tăng thượng. Vì thế bảo là “*sở đương vi giả, giai khả cầu chi*” (việc đáng nên làm hãy đều có thể cầu được). Sách Hội Sớ bảo: “*Sở đương vi giả (việc đáng nên làm) là hãy nên thực hiện nguyện hạnh vãng sanh; ‘giai khả cầu chi’ là nếu thuận theo kinh Phật thì đều có thể đạt được [việc đáng nên làm ấy]*” Cuối đoạn kinh trên đây, Phật lại rủ lòng Từ răn dạy: Hiện tại quý vị đã đích thân thấy nghe, vì thế sau khi Phật đã diệt độ, chớ “*phục sanh nghi hoặc*” (lại sanh nghi hoặc) đối với y báo, chánh báo cõi Cực Lạc và pháp môn Tịnh Độ.

**Chánh kinh:**

當來之世經道滅盡，我以慈悲哀愍，特留此經止住百歲。其有眾生，值斯經者，隨意所願，皆可得度。

*Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ.*

Đời tương lai, kinh đạo diệt sạch, ta vì lòng từ bi, thương xót, riêng lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm. Nếu có chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy lòng mong mỏi đều được độ thoát.

**Giải:**

Ngài Thiện Đạo nói về việc tương lai kinh pháp sẽ diệt hết như sau: “*Vạn năm Tam Bảo diệt, kinh này trụ trăm năm*”. Các vị Tịnh Ảnh, Đạo Xước, Từ Ân, Nghĩa Tịch, Pháp Trụ, Vọng Tây cũng bảo như vậy.

Tịnh Ảnh Sớ ghi: “*Câu ‘đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận’ (đời tương lai, kinh đạo diệt sạch) nghĩa là trong đời vị lai, pháp diệt sạch.. Chánh Pháp của đức Thích Ca tồn tại năm trăm năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Khi hết thấy [các thời gian] ấy đã qua hết thì gọi là diệt tận*”.

Nhưng ngài Cảnh Hưng lại dựa vào sách Pháp Trụ Ký mà cho rằng pháp diệt nhằm giai đoạn kiếp tăng, vào lúc con người thọ được bảy vạn tuổi. Sách Pháp Trụ Ký chép:

“*Khi tuổi thọ con người cao nhất chỉ là mười năm thì kiếp đao binh khởi, [con người] tàn sát lẫn nhau. Khi đó, Phật pháp tạm diệt. Sau khi tuổi thọ tăng tới một trăm tuổi thì mười sáu vị đại A La Hán và các quyến thuộc lại xuất hiện nơi đây, xứng tướng hiển thuyết vô thượng chánh pháp, độ vô lượng chúng. Cho đến lúc con người ở châu này thọ sáu vạn tuổi thì vô thượng chánh pháp lưu hành trong thế gian phồn thịnh chẳng ngớt. Đến khi con người thọ bảy vạn tuổi thì mười sáu vị A La Hán (như ngài Tân Đầu Lô chẳng hạn) và các quyến thuộc cùng lúc nhập Vô Dư Niết Bàn*”.

Ngài Cảnh Hưng nói: “*Ngay lúc con người thọ được bảy vạn năm thì vô thượng chánh pháp mới vĩnh viễn diệt mất nên bảo là kinh đạo diệt tận*”.

Cả hai thuyết trên đều có lý riêng. Ngài Vọng Tây phán định: “*Ngài Thiện Đạo là đức Di Đà hóa thân, ngài Từ Ân là Quán Âm hóa hiện nên lời giải thích của hai Ngài chẳng thể xem thường. Phải nên dựa theo đó*”. Theo ý ngài Vọng Tây, để giải thích đoạn kinh này ắt phải tuân theo lời giải thích của tổ Thiện Đạo; thuyết ấy rất đúng.

Tịnh Ảnh Sớ giảng câu “*đặc lưu thử kinh*” (riêng lưu lại kinh này) như sau: “*Đức Phật vì từ bi, thương xót chúng sanh nên sau khi pháp diệt, riêng lưu lại kinh này cả trăm năm để cứu vớt. Vì kinh này khai thị pháp Tịnh Độ khiến người ta cầu vãng sanh nên Phật riêng lưu lại kinh này. Kinh Đại Niết Bàn hiển thị Phật tánh nhưng vì thánh nhân ẩn mất trước nên kinh ấy bị ẩn mất trước hết. Kinh này dạy người chán khổ, cầu vui, là pháp trọng yếu để cứu vớt phàm phu nên bị diệt mất sau*”.

Ý nói: Kinh này dạy người niệm Phật cầu sanh Tây phương nên riêng lưu lại trong một trăm năm cuối cùng để cứu độ chúng sanh. Còn như kinh Đại Bát Niết Bàn (và kinh Thủ Lăng Nghiêm) hiển thị chân lý ai ai cũng sẵn có Phật tánh là pháp rất sâu xa trong thánh giáo; nhưng

chúng sanh đời mạt căn tánh kém cõi, không ai lãnh hội nổi nên sẽ bị diệt mất trước hết. Kinh Vô Lượng Thọ dạy người nhàm chán Sa Bà, yêu thích, hâm mộ Cực Lạc; chính là pháp yếu để cứu độ phàm phu cho nên sẽ diệt sau rốt.

Đoạn kinh từ câu “*kỳ hữu chúng sanh*” (nếu có chúng sanh) cho đến “*giai khả đắc độ*” (đều được độ thoát) được ngài Tịnh Ảnh giảng như sau:

“*Gặp được kinh này thì đều thỏa sở nguyện, đó là nói về lợi ích của lưu lại pháp. Sau khi pháp diệt, trong vòng một trăm năm được nghe còn hưởng lợi ích vãng sanh Tịnh Độ, huống hồ nay đã được nghe, lẽ đâu chẳng sanh?*”

Ý Ngài nói: Gặp gỡ kinh này đều được mãn nguyện, quả thật đã hiển thị lợi ích của việc riêng lưu lại kinh này. Còn như sau khi pháp đã diệt, người được nghe kinh này còn đạt được lợi ích vãng sanh Tây phương, huống hồ là người hiện tại được nghe kinh này mà tin nhận thì lẽ đâu lại chẳng được vãng sanh Tây Phương? Bởi thế, trong Tịnh Ảnh Sớ, ngài Huệ Viễn viết tiếp: “*Quyết định vãng sanh, chớ tự ngờ lo*”.

“*Đắc độ*” là vượt qua được biên sanh tử để chứng Niết Bàn. Chữ “*hải*” (biên) để ví sanh tử, “*bỉ ngạn*” (bờ kia) ví với Niết Bàn, thoát khỏi trôi nổi trong dòng sanh tử vượt lên bờ kia Niết Bàn nên bảo là “*đắc độ*”.

### **Chánh kinh:**

如來興世，難值難見。諸佛經道，難得難聞。遇善知識，聞法能行，此亦為難。若聞斯經，信樂受持，難中之難，無過此難。

*Như Lai hưng thế, nan trị, nan kiến. Chư Phật kinh đạo, nan đắc, nan văn. Ngộ thiện tri thức, văn pháp năng hành, thử diệc vi nan. Nhược văn tư kinh, tín nhạo, thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan.*

Đức Như Lai xuất hiện trong đời khó gặp, khó thấy; kinh đạo của chư Phật khó được, khó nghe. Gặp thiện tri thức, nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó. Nếu như nghe kinh này mà tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong những việc khó, không còn gì khó hơn được nổi.

## Giải:

Trong đoạn này, Phật than thở: Nghe kinh này mà có thể tin nhận, thọ trì thì chính là điều khó nhất trong các điều khó để con người biết rằng kinh này khó được nghe mà sanh lòng kính trọng, hy hữu.

“*Hưng thế*” (興世) là xuất hiện trong thế gian. Sách Tư Trì Ký nói: “*Phật thân tràn ngập, tùy theo [từng loại] chúng sanh mà hiện thân. Thị hiện sanh diệt để tiếp độ các phàm. Nếu xét theo cái thấy của cõi Sa Bà thì Ngài dẫn sanh trong cung vua, bỏ tục đi tu hành, hàng ma, thành Phật nên bảo là hưng thế*”. Ý nói: Thân Phật đầy khắp cả pháp giới, chẳng có qua lại, ba đời giống hệt như nhau, vốn chẳng sanh diệt. Chỉ vì ứng cơ hóa độ nên thị hiện sanh trong vương cung, xuất gia tu đạo, hàng ma thành Phật; do đó mà gọi là “*hưng thế*”.

Tịnh Ảnh Sớ giảng câu “*nan tri, nan kiến*” (khó gặp, khó thấy) như sau: “*Ý nói gặp Phật khó. Lúc Phật đang còn trong đời thì gọi là “tri” (值: gặp gỡ), mắt trông thấy Phật gọi là “kiến” (見: thấy). Cả hai điều này đều là khó. ‘Chư Phật kinh đạo nan đắc văn đẳng’ (kinh đạo của chư Phật khó được, khó nghe v.v...) ý nói pháp khó được nghe. Trong những câu ấy, trước hết nói rõ: Khó được nghe biết kinh giáo. Tay cầm được quyển kinh gọi là ‘đắc’ (得). Tai nghe gọi là ‘văn’ (聞). Cũng có thể hiểu là lãnh thọ, tụng đọc là ‘đắc’, tai nghe nhận là ‘văn’. Những điều ấy đều là khó*” nên bảo rằng: “*Chư Phật kinh đạo nan đắc nan văn*” (Kinh đạo của chư Phật khó được, khó nghe).

“*Ngộ thiện tri thức, văn pháp năng hành, thử diệt vi nan*” (Gặp thiện tri thức, nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó): Trong từ “*thiện tri thức*”, Thiện (善) nghĩa là có ích cho ta, dẫn dắt ta theo đường lành; Tri (知) là biết cái tâm; Thức (識) là rành cái hình như sách Pháp Hoa Văn Cú, quyển bốn giảng: “*Nghe danh là Tri, thấy hình là Thức. Người ấy có lợi cho đạo Bồ Đề của ta nên gọi là thiện tri thức*”. Như vậy, hai chữ “*tri thức*” nghĩa là biết cái tâm, thấu hiểu cái hình. Do đó, thiện tri thức được gọi là thiện hữu (bạn lành). Người tương tri, tương thức của mình, dẫn dắt mình đi trên đường lành thì gọi là thiện hữu hay là thiện tri thức.

Viên Giác Kinh Đại Sớ, quyển mười lăm có câu: “*Khéo hiểu chân, biết vọng, biết bệnh rành thuốc thì gọi là thiện tri thức*”. Ý nói: Người phân biệt rành chân, vọng, thông đạt Chân Tế, biết căn tánh của chúng sanh, tùy bệnh cho thuốc thì gọi là thiện tri thức.

Trong tác phẩm An Lạc Tập, ngài Đạo Xước lại dựa theo kinh Pháp Cú mà viết:

*“Phật dạy thiện tri thức có thể thuyết pháp sâu, nghĩa là: không, vô tướng, vô nguyện, các pháp bình đẳng, vô nghiệp, vô báo, vô nhân, vô quả, cứu cánh như như, trụ trong Thật Tế; nhưng trong Tất Cánh Không lại rộn ràng lập ra hết thấy pháp thì gọi là thiện tri thức.*

*Thiện tri thức là cha mẹ vì dưỡng dục thân Bồ Đề của các ông. Thiện tri thức là tròng mắt của các ông vì thấy hết thấy đường thiện ác. Thiện tri thức là thuyền lớn của các ông vì chuyên chở các ông vượt khỏi biển sanh tử. Thiện tri thức là dây giàng của các ông vì lôi kéo các ông ra khỏi sanh tử”.*

Sách còn viết: *“Hết thấy chúng sanh muốn đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nên thân cận thiện tri thức, thưa hỏi pháp yếu”.* Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương trong kinh Pháp Hoa có câu: *“Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên, sở dĩ hóa đạo linh đắc kiến Phật, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm”* (Thiện tri thức là đại nhân duyên vì giáo hóa, dẫn dắt khiến được thấy Phật, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Muốn chứng Bồ Đề thì nên cầu bạn lành. Nên dùng cách để cầu được bạn lành như kinh Viên Giác đã dạy:

*“Mạt thế chúng sanh, tương phát đại tâm, cầu thiện tri thức, dục tu hành giả, đương cầu nhất thiết chánh tri kiến nhân, tâm bất trụ tướng, bất trước Thanh Văn, Duyên Giác cảnh giới, tuy hiện trần lao, tâm hằng thanh tịnh, thị hữu chư quá, tán thán phạm hạnh, bất linh chúng sanh nhập bất luật nghi. Cầu như thị nhân, tức đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”* (Chúng sanh đời Mạt toan phát đại tâm, cầu thiện tri thức hòng tu hành thì nên cầu người có chánh tri kiến đối với hết thấy, tâm chẳng trụ tướng, chẳng đắm trong cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác. Tuy hiện trong trần lao nhưng tâm hằng thanh tịnh; thị hiện có các lầm lỗi, nhưng khen ngợi phạm hạnh, chẳng khiến cho chúng sanh làm điều chẳng đúng với luật nghi. Cầu người như thế sẽ liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Kinh Viên Giác dạy rằng muốn cầu thiện tri thức thì trước hết phải tìm người có chánh tri kiến đối với hết thấy. Thế nào là chánh tri kiến? Viên Giác Đại Sớ ghi: *“Khéo thông đạt giác tánh, chẳng do tu mà sanh, quyết trạch chẳng nghi thì gọi là chánh tri kiến”.*

Giác tánh là tánh giác diệu minh. Khéo thông đạt được tánh giác sẵn có nên bảo là “khéo thông đạt giác tánh”. Giác tánh sẵn có ấy chẳng từ bên ngoài đến, chẳng phải do tu mà có nên bảo là “*chẳng do tu mà sanh*”, vì nó chính là chỗ chẳng thể tu để đạt đến nổi.

“*Quyết trạch*” (決擇) là khéo phân biệt các pháp tướng. “*Chẳng nghi*” là bất động nơi Đệ Nhất Nghĩa.

Đại Sớ giảng câu “*tâm bất trụ tướng*” (tâm chẳng trụ tướng) như sau:

“*Tâm chẳng trụ tướng là lìa khỏi cảnh giới phiền não của phàm phu. Nếu còn bận tâm đến chút pháp thì gọi là trụ tướng. Thậm chí với Bồ Đề, Niết Bàn còn chẳng chấp trước, huống hồ là cảnh giới huyễn mộng của thế gian. Vì thế, chẳng nên trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để sanh tâm, hãy nên không trụ vào đâu cả mà sanh tâm. Đã được vô tâm trụ thì liền khế hợp với viên giác*”.

“*Bất trước Thanh Văn, Duyên Giác cảnh giới*” (Chẳng đắm trong cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác) là như kinh Xung Tán Đại Thừa đã dạy: “*Ninh tại địa ngục kinh bách thiên kiếp, chung bất phát Nhị Thừa chi tâm*” (Thà ở trong địa ngục cả trăm ngàn kiếp, trọn chẳng phát tâm Nhị Thừa).

Nói chung, tất cả những câu từ “*tuy hiện trần lao*” cho đến “*nhập bất luật nghi*” (làm những điều chẳng đúng với luật nghi) là như Đại Sớ đã nói: “*Người hoại kiến tuy chẳng hoại hạnh, chẳng thể làm con mắt đạo cho chúng sanh. Dầu hoại hạnh nhưng kiến giải chẳng sai lầm thì vẫn là ruộng phước chân thật thù thắng cho trời người*”.

Đại Luận còn viết: “*Đối với các bậc sư tôn nên tưởng như Thế Tôn. Nếu có ai có thể khai hiển, giải thích nghĩa sâu, cởi mở nghi kết [cho mình] thì tận tâm cung kính, chẳng nghĩ đến các điều ác khác [của người đó]. Ví như dù cái túi bụi rạc thì chẳng nên vì cái túi ấy bụi rạc mà bảo là nó chẳng thể đựng nổi của báu. Lại như ban đêm đi trên đường hiểm, có kẻ tệ hại cầm đuốc thì chẳng nên vì kẻ ấy tệ ác mà chẳng thềm nhờ kẻ ấy soi sáng. Bồ Tát cũng lại như vậy: Nhờ thầy mà được trí huệ quang minh thì chẳng bận tâm đến lỗi ác của thầy*”.

Vì thế, kinh Viên Giác kết luận: “*Cầu như thị nhân, tức đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Cầu người như thế liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Ý nói: Những người [có đủ các

đức tánh] như đã nói trên chính là chân thiện tri thức. Có thể biết được, cầu được một vị thiện tri thức như vậy thì ắt sẽ chúng Bồ Đề.

Đại Sớ còn nói: “*Chỉ nên khéo thờ minh sư, gặp việc minh sư ắt sẽ chỉ dạy. Cũng giống như Thiện Tài phát Bồ Đề tâm nơi đức Văn Thù xong, hỏi về Bồ Tát hạnh. Ngài Văn Thù chẳng dạy đủ mà lại dạy nên thân cận thiện hữu; Ngài dạy nên gặp tỳ-kheo Đức Vân, lần lượt đi tham học*”.

Sách còn viết: “*Bởi thế kinh Pháp Cú dùng hai mươi một thí dụ để ví thiện tri thức, nghĩa là: cha mẹ, trông mắt, chân cẳng, thang, ghế cao, thức ăn, áo báu, cầu, rường, cửa báu, mặt trời, mặt trăng, thân mạng v.v... Cuối cùng kết luận: ‘Thiện tri thức giả, hữu như thị vô lượng công đức, thị cố giáo như đấng thân cận’ (Thiện tri thức có vô lượng công đức như thế nên ta dạy các ông thân cận). Đại chúng nghe xong lớn tiếng than thở, tự nghĩ trong bao kiếp nhờ thiện tri thức thủ hộ nên ngày nay mới được gặp đức Như Lai, nhưng chưa từng báo ân, chưa hề có tâm thân cận. Thốt lên những lời ấy xong lại vật mình khóc lóc*”.

Vì thế trong kinh Viên Giác, trong phẩm Phổ Giác có lời phổ khuyến như sau: “*Mạt thế chúng sanh dục tu hành giả, ưng đương tận mạng cúng sự thiện hữu, sự thiện tri thức*” (Chúng sanh đời Mạt muốn tu hành thì phải nên trọn đời cúng dường, phụng sự thiện hữu, thờ kính thiện tri thức). Muốn cung kính thiện tri thức thì trước hết phải phụng hành đúng như lời dạy, điều này cũng rất khó. Bởi thế, kinh mới nói: “*Văn pháp năng hành, thử diệc vi nan*” (Nghe pháp xong có thể tu hành, điều này cũng là khó), nghĩa là: Thiện tri thức đã khó gặp, khó biết, nay may mắn đã cầu được; nhưng nếu đối với những điều thiện tri thức đã dạy mà ta chẳng thể tin nhận, phụng hành thì lương y cũng đành bó tay. Như thế thì dầu có gặp cũng như không! Bởi thế, nghe xong lời dạy của thiện tri thức mà có thể tin tưởng nổi; tin rồi làm nổi thì lại càng thật khó.

Trên đây, kinh đã nói những việc như gặp Phật, nghe kinh, gặp thiện tri thức, nghe pháp xong có thể thực hành nổi; đó đều là những việc rất khó được, thật là hy hữu. Nhưng cả ba điều khó nói trên vẫn chẳng khó hơn nổi việc “*nhược văn tu kinh, tín nhạo thọ trì*” (nếu như nghe kinh này mà tin ưa, thọ trì). Đây mới là điều khó làm nổi nhất trong những điều khó thể làm nổi nên mới bảo là “*nan trung chi nan*” (khó nhất trong những điều khó). Việc hy hữu khó được không chi hơn



nổi việc này nên bảo “*vô quá thử nan*” (không có gì khó hơn điều này). Vì có sao?

Tịnh Ảnh Sớ đáp: “*Các nghĩa khác, các kinh khác tuyên thuyết khắp nơi. Khai hiển Tịnh Độ, dạy người vãng sanh thì chỉ có mình kinh này nên là rất khó*”.

Sách Hội Sớ cũng bảo: “*Nhược văn tư kinh (nếu như nghe kinh này) là cái nghe biết được huân tập. ‘Tin nhược thọ trì’ (tin ưa thọ trì) là chánh nhân vãng sanh, nghĩa là: Tin ưa bốn nguyện, thọ trì danh hiệu. Vì pháp này vượt trội, khác biệt với các giáo pháp khác, vì được lợi ích vượt trội các điều lành khác, vì mọi căn cơ đều cùng được vào trong báo độ (mọi căn tánh đều cùng được sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm); vì chỉ một đời là thành tựu, ắt phải là do túc thiện nhiều kiếp nên bảo là khó nhất trong những điều khó v.v...*”

Chuẩn theo ý của hai bộ sớ trên, ta thấy rằng nếu ai có thể đối với diệu pháp đệ nhất hy hữu, khó nghe, khó tin, một đời thành tựu này mà nghe được, tin được, lãnh nhận được, vãng giữ được thì nên biết người ấy ắt là đã huân tu trong nhiều kiếp, đã gieo nhiều căn lành, thật là hy hữu, vượt trội hết thảy. Vì thế mới bảo là “*nan trung chi nan, vô quá thử nan*” (khó nhất trong các điều khó, không còn gì khó hơn điều này). Nói như vậy không có nghĩa pháp môn này khó tu mà là ngụ ý: Thật là khó có những người có những thiện căn phước đức nhân duyên hy hữu như thế!

### **Chánh kinh:**

若有眾生得聞佛聲，慈心清淨，踊躍歡喜，衣毛為起，或淚出者，皆由前世曾作佛道，故非凡人。若聞佛號，心中狐疑，於佛經語，都無所信，皆從惡道中來。宿殃未盡，未當度脫。故心狐疑，不信向耳。

*Nhược hữu chúng sanh đắc văn Phật thanh, từ tâm thanh tịnh, dũng được hoan hỷ, y mao vi khởi, hoặc lệ xuất giả, giai do tiền thế tăng tác Phật đạo, cố phi phàm nhân. Nhược văn Phật hiệu, tâm trung hồ nghi, ư Phật kinh ngữ, đô vô sở tín, giai tùng ác đạo trung lai, túc ương vị tận, vị đương độ thoát. Cố tâm hồ nghi, bất tín hướng nhĩ.*

Nếu có chúng sanh được nghe danh hiệu Phật, từ tâm thanh tịnh, hớn hở, hoan hỷ, lông tóc dựng cả lên, hoặc chảy nước mắt, [thì những người ấy] đều là do đời trước đã từng hành Phật đạo, cho nên chẳng phải là phạm nhân. Nếu nghe danh hiệu Phật mà trong lòng hồ nghi, đối với những lời kinh Phật đều chẳng tin thì đều là mới từ trong ác đạo thoát ra, tức ương chưa hết, sẽ chưa được độ thoát nên tâm hồ nghi, chẳng thể tin tưởng nổi!

### Giải:

“*Đắc văn Phật thanh*” (Được nghe danh hiệu Phật) là câu trích từ bản Hán dịch, bản Ngô dịch ghi là “*văn A Di Đà Phật thanh*” (nghe danh hiệu A Di Đà Phật), bản Ngụy dịch ghi là “*đắc văn bỉ Phật danh*” (được nghe danh hiệu đức Phật ấy), bản Đường dịch ghi là “*văn bỉ Phật danh*” (nghe tên đức Phật ấy), bản Tống dịch ghi là “*đắc văn Vô Lượng Thọ Phật danh hiệu*” (được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật). Đối chiếu các bản dịch, ta thấy rằng “*Phật thanh*” chính là danh hiệu A Di Đà Phật.

“*Văn*” (聞) là nghe tên, thọ trì. Bởi danh hiệu Phật có đủ vạn đức nên người nghe “*từ tâm thanh tịnh*”. Từ tâm (慈心) là phát khởi tâm đại từ. Thanh tịnh là thuần tịnh vô cấu. “*Hoan hỷ*” (歡喜) nội tâm hỷ lạc. “*Dũng dục*” (踊躍) là sự hân hoan phấn chấn thể hiện ra nơi dáng vẻ, lời nói. Câu “*y mao vi khởi*” (衣毛為起) ý nói các lông chân lông khắp thân mình nở to ra, lông đều dựng cả lên. “*Lệ xuất*” (淚出) là nước mắt tuôn ra. Những người như thế đều từ Phật đạo mà đến. Vô thượng Bồ Đề mà Phật đã chúng đặc gọi là “*Phật đạo*”. Phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa có câu: “*Thị chư Thế Tôn đẳng, giai thuyết Nhất Thừa pháp, hóa vô lượng chúng sanh, linh nhập u Phật đạo*” (Các đức Thế Tôn ấy đều nói pháp Nhất Thừa, giáo hóa vô lượng chúng sanh khiến cho họ nhập Phật đạo). Lại cũng vì do hạnh mà gọi là đạo; Phật đạo chính là vạn hạnh để đạt đến địa vị Phật.

Câu “*tằng hành Phật đạo, cố phi phạm nhân*” (do từng hành Phật đạo, cho nên chẳng phải là phạm nhân) chính là lời đức Phật khen ngợi, giống như kinh Kim Cang dạy: “*Nhược đương lai thế hậu ngũ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tức vi đệ nhất hy hữu. Hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” (Trong đời tương lai năm trăm năm sau, nếu có chúng sanh được nghe kinh này mà tin hiểu, thọ trì thì người ấy chính là hy hữu bậc nhất. Vì sao vậy? Người ấy không có ngã

tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng).

Trong tác phẩm Phá Không Luận, ngài Linh Phong đã giảng như sau: “*Đây chính là tín tu đại quả. Nếu như còn có chút mây may chấp tướng ngã, nhân v.v... thì quyết chẳng thể tin nổi kinh này. Nếu như tin hiểu, thọ trì kinh này thì quyết phải thông đạt ngã tướng, nhân tướng v.v... đương thể chính là vô tướng*”.

Chuẩn theo lời giảng ấy mà luận thì kinh này là pháp hết thảy thế gian khó tin. Nếu ai có thể sanh nổi lòng tin đối với pháp này thì nên biết rằng người ấy chẳng phải là phàm nhân, mà chính là người hy hữu trong hết thảy thế gian. Nếu có thể sanh lòng tin chân thật vào Viên Giáo, hiểu trọn vẹn, tu trọn vẹn thì đáng xưng tụng là viên nhân (người căn cơ viên mãn). Viên nhân tu hành một ngày bằng thường nhân tu hành cả một kiếp.

Trái lại, kẻ hồ nghi chẳng tin thì là mới từ ba ác đạo thoát ra, uơng họa nghiệp chướng tức thể chưa đoạn hết, còn chưa đến thời kỳ được đắc độ nên chẳng thể tin nhận nổi. Đây cũng chính là điều kinh Kim Cang đã nói: “*U hậu mạt thế, hữu thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn, tâm tác cuồng loạn, hồ nghi bất tín*” (Trong đời Mạt sau này, có kẻ thọ trì, đọc tụng kinh này, nếu ta nói đầy đủ công đức người ấy đạt được, ắt sẽ có kẻ nghe rồi tâm liền cuồng loạn, hồ nghi chẳng tin). Vì vậy, ta thấy rằng pháp môn càng thù thắng, người đời càng khó tin. Bởi lẽ đó, đối với pháp viên đốn, họ hồ nghi chẳng tin.